TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM BẢNG** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HS-ST
Ngày 26 - 02 - 2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Ngọc Luân.
2. Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 05/2019/HS-ST ngày 14 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 07/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo **Phan Văn H,** sinh năm 1987; nơi ĐKHKTT: Xóm 12, xã C, huyện T, tỉnh Nghệ An; trú tại: Thôn T, xã B, huyện D, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn M và bà Nguyễn Thị N; vợ, con: Chưa có; tiền sự, tiền án: Không; đặc điểm nhân thân: Ngày 25/11/2011, Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An xử phạt 27 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" và "Chống người thi hành công vụ". Tạm giữ ngày 06/11/2018, áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" ngày 15/11/2018. Có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Phạm Đại V - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Nam. Có mặt.

* *Bị hại:* Anh Trịnh Văn Đ , sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn 1 L, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Bùi Đ, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện D, tỉnh Hà Nam. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Người làm chứng:* Anh Bạch Hải D, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Phan Văn H, sinh năm 1987; nơi ĐKHKTT: Xóm 12, xã C, huyện T, tỉnh Nghệ An lái xe ôtô thuê cho anh Nguyễn Bùi Đ, sinh năm 1980; nơi ĐKHKTT: Xóm 3, xã C, huyện T, tỉnh Nghệ An. Cùng trú tại: Thôn T, xã B, huyện D, tỉnh Hà Nam. Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 06/11/2018, Phan Văn H điều khiển xe ôtô tải BKS 17C-036.18 chở anh Đ đi từ nhà ở thôn T, xã B, huyện D, tỉnh Hà Nam đến Gara ôtô H ở thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam để sửa xe. Khi đến Gara ôtô Hthì anh Đ xuống xe còn H điều khiển xe ôtô đỗ cạnh xe ôtô BKS 90C - 086.75 của anh Trịnh Văn Đ, sinh năm 1993 ở thôn 1 L, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam cũng đang sửa tại Gara ôtô H. H xuống xe, thấy anh Đ đang ngồi trên cabin xem thợ sửa xe, hai cánh cửa xe ôtô mở, trong hộc cánh cửa bên trái xe có một tập tiền polime mệnh giá 500.000đồng nên H nảy sinh ý định trộm cắp. Quan sát thấy không có ai để ý, Phan Văn H dùng tay trái lấy tập tiền trong hộc cửa bên trái ôtô biển số 90C-086.75 cất vào túi quần bên trái đang mặc rồi đi ra đứng nói chuyện với anh Đ. Khoảng 10 phút sau, H cùng anh Đ về bãi đỗ xe ở thôn , xã B, huyện D, tỉnh Hà Nam. Anh Đ về nhà, H điều khiển ôtô tải BKS 33M- 0055 đi vào Công ty H ở khu Công nghiệp ĐI để lấy cám cò. Trong lúc chờ công nhân bốc cám lên xe ôtô, H ngồi trên ca bin lấy số tiền trộm cắp được ra đếm được 30.000.000đồng rồi lấy một tờ giấy học sinh loại kẻ ngang trong cabin ôtô bọc số tiền lại và để vào khe ốp da thành bên trong cabin phía sau ghế lái của xe ôtô rồi điều khiển xe về bãi đỗ xe tại thôn T, xã B, huyện D, tỉnh Hà Nam. Sau khi sửa xe ôtô xong, anh Trịnh Văn Đ về nhà thì phát hiện bị mất số tiền 30.000.000đồng nên đề nghị Công an huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam điều tra làm rõ. Tại cơ quan điều tra, Phan Văn H khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Khám xét khẩn cấp phương tiện là chiếc xe ôtô tải có mui nhãn hiệu HYUNDAI MIGHTY II, BSK 33M - 0055, cơ quan điều tra Công an huyện Kim Bảng thu giữ số tiền 30.000.000đồng tại khe ốp da thành sau bên trong cabin phía sau ghế lái, đồng thời thu giữ chiếc xe ôtô cùng toàn bộ giấy tờ xe để phục vụ điều tra.

Qúa trình điều tra, xác định chiếc xe ôtô BSK 33M - 0055 là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Bùi Đ và số tiền 30.000.000đồng là tài sản của anh Trịnh Văn Đ nên cơ quan cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe ôtô cùng toàn bộ giấy tờ xe cho anh Đ và trả lại cho anh Trịnh Văn Đ số tiền 30.000.000đồng.

Tại bản cáo trạng số 08/CT-VKSKB ngày 14/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đã truy tố Phan Văn H về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Phan Văn H từ 18 tháng đến 24 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 36 tháng đến 42 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Phan Văn H cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện D, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử

thách. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm. Người bào chữa cho bị cáo nhất trí về tội danh, hành vi bị cáo đã thực hiện, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo theo mức thấp nhất của Viện kiểm sát đề nghị. Bị cáo nhất trí với ý kiến của người bào chữa, cáo trạng, luận tội của Viện kiểm sát, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và không tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Kim Bảng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp.

[2] Tại phiên tòa và quá trình điều tra, bị cáo Phan Văn H thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội phù hợp với lời khai nhận tội tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm cùng toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Tòa án có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 16 giờ ngày 06/11/2018, tại Gara ôtô H ở thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam. Lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của anh Trịnh Văn Đ, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn 1 L, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam để số tiền 30.000.000đồng ở hộc cánh cửa bên trái xe ôtô BKS 90C - 086.75 đang sửa tại Gara ô tô H, Phan Văn H đã chiếm đoạt số tiền 30.000.000đồng của anh Trịnh Văn Đ rồi cất vào túi quần bên trái đang mặc. Hành vi đó của Phan Văn H đã phạm tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đã truy tố bị cáo.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu của anh Trịnh Văn Đ về tài sản mà quyền sở hữu đó được Nhà nước bảo hộ. Bị cáo lợi dụng sự sơ hở trong lúc anh Đ ngồi xem thợ sửa xe đã lén lút chiếm đoạt số tiền 30.000.000đồng mà anh Đ không hay biết tài sản của mình đang bị chiếm đoạt đã gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội.

Xét về mặt chủ quan của tội phạm, bị cáo thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp, biết rõ tài sản của người khác nhưng vẫn chiếm đoạt nhằm mục đích thỏa mãn cho nhu cầu cá nhân. Do đó hành vi phạm tội của bị cáo phải được xử phạt nghiêm minh để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Khi quyết định hình phạt Tòa án cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng

trách nhiệm hình sự thấy: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có cha đẻ và có ông bà nội là ông Phan Văn T, bà Nguyễn Thị M là người được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến, tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho bị hại và bị hại có đơn xin giảm hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng bị cáo không phải chịu. Bị cáo đã bị kết án, được xóa án tích, bản thân chấp hành chính sách pháp luật, có nơi cư trú rõ ràng, tội phạm mới thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, do đó xét thấy không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho hưởng án treo thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đồng đến 500.000.000đồng". Do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo làm nghề tự do, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại đầy đủ tài sản và không có ý kiến thắc mắc gì nên về trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Xử lý vật chứng: Đối với 01 tờ giấy kẻ ngang đã cũ, rách có trong hồ sơ, là tờ giấy cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo H dùng để bọc tiền đã được bàn giao kèm theo hồ sơ vụ án đến Tòa án là vật không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy theo Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với chiếc xe ôtô BSK 33M-0055 là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Bùi Đ. Qúa trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại chiếc xe cùng toàn bộ giấy tờ của xe ôtô cho anh Đ theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Bị cáo Phan Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331; Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Phan Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Văn H 21 (Hai mươi mốt) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 42 (Bốn mươi hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phan Văn H cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện D, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 tờ giấy kẻ ngang đã cũ, rách.

3. Án phí: Căn cứ Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Phan Văn H phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS huyện Kim Bảng;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Nguyệt